

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2026/HS-ST

Ngày: 03-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Điềm.

Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Thị Nhật Q, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk, CCCD: 066199006947; nơi thường trú: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: Số A X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lâm Thị Thanh T1, sinh năm 2003; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Phòng trọ không số, đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Nhật U, sinh năm 2004; địa chỉ thường trú: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: Số A X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Nhật Q và chị Lâm Thị Thanh T1 là bạn bè quen biết nhau. Đến đầu năm 2023, Q đã nhiều lần cho chị T1 vay tiền với mức lãi suất từ 240%/năm đến 304,2%/năm, cao gấp 12 lần đến 15 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

** Đối với các khoản vay góp:*

Lần 1: Ngày 23/02/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 2.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 131.507 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 1.868.493 đồng (2.000.000 đồng - 131.507 đồng).

Lần 2: Ngày 18/3/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 2.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 131.507 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 1.868.493 đồng (2.000.000 đồng - 131.507 đồng).

Lần 3: Ngày 15/4/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 4.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 263.014 đồng ($20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 3.736.986 đồng (4.000.000 đồng - 263.014 đồng).

Lần 4: Ngày 16/5/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 2.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 8.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 526.028 đồng ($40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 7.473.972 đồng (8.000.000 đồng - 526.028 đồng).

Lần 5: Ngày 10/6/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 2.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 8.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 526.028 đồng ($40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 7.473.972 đồng (8.000.000 đồng - 526.028 đồng).

Lần 6: Ngày 07/7/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 2.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi

cho Q số tiền 8.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 526.028 đồng ($40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 7.473.972 đồng ($8.000.000 \text{ đồng} - 526.028 \text{ đồng}$).

Lần 7: Ngày 10/8/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 2.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 131.507 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 1.868.493 đồng ($2.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng}$).

Lần 8: Ngày 23/9/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 2.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 131.507 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 1.868.493 đồng ($2.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng}$).

Lần 9: Ngày 15/10/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 750.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 3.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 197.261 đồng ($15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 2.802.739 đồng ($3.000.000 \text{ đồng} - 197.261 \text{ đồng}$).

Lần 10: Ngày 27/02/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 250.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 1.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 65.753 đồng ($5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 934.247 đồng ($1.000.000 \text{ đồng} - 65.753 \text{ đồng}$).

Lần 11: Ngày 10/3/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 2.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 131.507 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 1.868.493 đồng ($2.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng}$).

Lần 12: Ngày 11/3/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 250.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 1.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là

65.753 đồng ($5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 934.247 đồng ($1.000.000 \text{ đồng} - 65.753 \text{ đồng}$).

Lần 13: Ngày 02/3/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, góp 1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 304,2%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q số tiền 4.000.000 đồng và tắt toán khoản vay. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 263.014 đồng ($20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 24 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 3.736.986 đồng ($4.000.000 \text{ đồng} - 263.014 \text{ đồng}$).

Tổng cộng, từ ngày 23/02/2023 đến ngày 02/3/2024, Q đã 13 lần cho chị T1 vay tiền theo hình thức vay góp với tổng số tiền 235.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thực tế thu được là 47.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 43.909.586 đồng.

** Đối với các khoản vay đứng:*

Lần 1: Ngày 14/5/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 22 tháng (660 ngày) với tổng số tiền 22.000.000 đồng thì chị T1 không còn khả năng trả tiếp, đến nay chưa tắt toán. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 1.808.220 đồng ($5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 660 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 20.191.780 đồng ($22.000.000 \text{ đồng} - 1.808.220 \text{ đồng}$).

Lần 2: Ngày 18/6/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 13 tháng (390 ngày) với tổng số tiền 39.000.000 đồng thì chị T1 không còn khả năng trả tiếp, đến nay chưa tắt toán. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 3.205.480 đồng ($15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 390 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 35.794.520 đồng ($39.000.000 \text{ đồng} - 3.205.480 \text{ đồng}$).

Lần 3: Ngày 06/8/2023, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 11 tháng (330 ngày) với tổng số tiền 22.000.000 đồng thì chị T1 không còn khả năng trả tiếp, đến nay chưa tắt toán. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 1.808.220 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 330 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 20.191.780 đồng ($22.000.000 \text{ đồng} - 1.808.220 \text{ đồng}$).

Lần 4: Ngày 19/02/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 05 tháng (150 ngày) với tổng số tiền 10.000.000 đồng thì chị T1 không còn khả năng trả tiếp, đến nay chưa tắt toán. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 821.918 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 150 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 9.178.082 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng}$).

Lần 5: Ngày 20/02/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 05 tháng (150 ngày) với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 821.918 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 150 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 9.178.082 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng}$).

Lần 6: Ngày 03/3/2024, Q cho chị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/tháng, tương đương 240%/năm. Chị T1 đã trả lãi cho Q được 07 tháng (210 ngày) với tổng số tiền 56.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi trong mức 20% là 4.602.740 đồng ($40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 210 \text{ ngày}$), số tiền Q thu lợi bất chính trong lần cho vay này với phần lãi vượt mức 20% là 51.397.260 đồng ($56.000.000 \text{ đồng} - 4.602.740 \text{ đồng}$).

Tổng cộng, từ ngày 14/5/2023 đến ngày 03/3/2024, Q đã 06 lần cho chị T1 vay tiền theo hình thức vay đứng với tổng số tiền 90.000.000 đồng (chưa tất toán), tổng số tiền lãi thực tế thu được là 159.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 145.931.504 đồng.

Như vậy, Q đã cho chị T1 vay tổng số tiền 325.000.000 đồng, thu lợi bất chính 189.841.090 đồng.

*** Vật chứng thu giữ và xử lý:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thu giữ của Phạm Thị Nhật Q 01 điện thoại di động hiệu Iphone 17 Promax màu cam, số Seri MMVF54CXFN, gắn sim thuê bao số 0367556066 nhưng qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã lập biên bản trả lại cho Q.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền gốc của 13 khoản vay góp với tổng số tiền 235.000.000 đồng, do chị Lâm Thị Thanh T1 đã trả xong toàn bộ các khoản vay cho Phạm Thị Nhật Q nên cần truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã yêu cầu Q nộp lại số tiền trên nhưng đến nay chưa thực hiện.

- Đối với số tiền gốc của các khoản vay đứng mà chị Lâm Thị Thanh T1 còn nợ Phạm Thị Nhật Q chưa trả, tổng cộng 90.000.000 đồng, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã yêu cầu chị T1 nộp lại số tiền trên nhưng đến nay chưa thực hiện.

- Đối với tổng số tiền lãi trong mức 20% mà Q đã thu của chị T1 là 16.158.910 đồng (trong đó, đối với các khoản vay góp là 3.090.414 đồng và đối với các khoản vay đứng là 13.068.496 đồng) cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã yêu cầu Q nộp lại số tiền trên nhưng đến nay chưa thực hiện.

- Đối với tổng số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 189.841.090 đồng mà Phạm Thị Nhật Q đã thu của chị Lâm Thị Thanh T1 cần trả lại cho chị T1. Quá

trình điều tra xác định, chị Phạm Thị Nhật U là em ruột của Phạm Thị Nhật Q đã tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn trả cho chị Lâm Thị Thanh T1 số tiền 189.841.090 đồng, chị T1 không có yêu cầu gì thêm. Do đó, không đặt ra việc tiếp tục giải quyết đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 47/CT-VKSKV15 ngày 18/6/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị Nhật Q đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về trách nhiệm hình sự:* Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thị Nhật Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Xử phạt Phạm Thị Nhật Q số tiền 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thu giữ của Phạm Thị Nhật Q 01 điện thoại di động hiệu Iphone 17 Promax màu cam, số Seri MMVF54CXFN, gắn sim thuê bao số 0367556066 nhưng qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã lập biên bản trả lại cho Q.

- *Biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền gốc của 13 khoản vay góp với tổng số tiền 235.000.000 đồng, do chị Lâm Thị Thanh T1 đã thanh toán xong toàn bộ các khoản vay cho Phạm Thị Nhật Q và tổng số tiền lãi trong mức 20% mà Q đã thu của chị T1 là 16.158.910 đồng (trong đó, đối với các khoản vay góp là 3.090.414 đồng và đối với các khoản vay đứng là 13.068.496 đồng), tổng cộng 251.158.910đ được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà Q đã nộp theo Biên lai thu số ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền còn lại 241.158.910 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc của các khoản vay đứng 90.000.000 đồng mà chị Lâm Thị Thanh T1 còn nợ Phạm Thị Nhật Q chưa trả, cần tịch thu của chị T1 để nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với tổng số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 189.841.090đ mà Phạm Thị Nhật Q đã thu của chị Lâm Thị Thanh T1. Quá trình điều tra xác định, chị Phạm Thị Nhật U là em ruột của Phạm Thị Nhật Q đã tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn trả toàn bộ cho chị Lâm Thị Thanh T1, chị T1 không có yêu cầu gì thêm. Do đó, không đặt ra việc tiếp tục giải quyết đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật

Tại phần tranh luận,

+ Bị cáo Q không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

+ Chị Phạm Thị Nhật U không có ý kiến tranh luận.

Nói lời sau cùng: Bị cáo Q2 thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của những người tham gia tố tụng cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ khoảng cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Phạm Thị Nhật Q thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối chị Lâm Thị Thanh T1, với 19 lượt cho vay và tổng số tiền mà Q2 bỏ ra để cho vay là 325.000.000 đồng với lãi suất từ 240%/năm đến 304,2%/năm (gấp 12 lần đến 15 lần so với mức lãi suất 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự) và thu lợi bất chính được số tiền 189.841.090 đồng. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 lần cho chị T1 vay tiền và thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng (khoản vay đứng lần 2 ngày 18/6/2023 và lần 6 ngày 03/3/2024) nên bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; tác động gia đình hoàn trả cho chị Lâm Thị Thanh T1 số tiền 189.841.090đ và được bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt; đã khắc phục một phần hậu quả; bị cáo hiện đang mang thai. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 13, 17 Điều 2 và khoản 7 Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 51 và điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Nhận thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, xét thấy bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội cũng như không ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Ngoài ra, hiện nay bị cáo đang mang thai nên đề tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục lao động, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo như đề nghị của Viện kiểm sát khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nhật Q số tiền 30.000.000đồng.

[8] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Chị Phạm Thị Nhật U đã hoàn trả cho chị Lâm Thị Thanh T1 số tiền 189.841.090 đồng nhưng chị U không yêu cầu Q trả lại số tiền này cho bà nên HĐXX ghi nhận.

[10] *Về các biện pháp tư pháp*:

- Đối với số tiền gốc của 13 khoản vay góp với tổng số tiền 235.000.000 đồng, do chị Lâm Thị Thanh T1 đã thanh toán xong toàn bộ các khoản vay cho Phạm Thị Nhật Q và số tiền lãi trong mức 20% mà Q đã thu của chị T1 là 16.158.910 đồng, tổng cộng 251.158.910 đồng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà Q đã nộp theo Biên lai thu số ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền còn lại 241.158.910 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc của các khoản vay đứng 90.000.000 đồng mà chị Lâm Thị Thanh T1 còn nợ Phạm Thị Nhật Q chưa trả, cần tịch thu của chị T1 để nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 189.841.090 đồng mà Phạm Thị Nhật Q đã thu của chị Lâm Thị Thanh T1. Chị Phạm Thị Nhật U là em ruột của Phạm Thị Nhật Q đã tự

nguyên khắc phục hậu quả, hoàn trả cho chị Lâm Thị Thanh T1 số tiền 189.841.090 đồng nên chị T1 không có yêu cầu gì thêm.

[11] *Về xử lý vật chứng*: Không có.

[12] *Về án phí sơ thẩm*: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Nhật Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nhật Q 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (03/8/2026).

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số **282/2026/LCĐKNCT-TA ngày 17/7/2026** của Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Phạm Thị Nhật Q về Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nhật Q số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Phạm Thị Nhật Q phải nộp tổng số tiền 251.158.910 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu một trăm năm mươi tám nghìn chín trăm mười đồng), trong đó: 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) số tiền gốc mà người vay đã trả và số tiền lãi 16.158.910 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn chín trăm mười đồng) để sung vào ngân sách nhà nước được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà Phạm Thị Nhật Q đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001982 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Phạm Thị Nhật Q còn phải nộp thêm số tiền 241.158.910 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu một trăm năm mươi tám nghìn chín trăm mười đồng).

- Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị Thanh T1 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã vay 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

6. Về xử lý vật chứng: Không có.

7. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND Khu vực 15 – TP Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Bình Dương;
- Thi hành án Dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan THAHS CA TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

